

Số: /TB-UBND

Xã Tuệ Tỉnh, ngày tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 4774/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nội vụ

UBND xã Tuệ Tỉnh thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính theo Quyết định số 4774/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng tại Trung tâm phục vụ hành chính công và đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã tại địa chỉ: <https://tuetinh.haiphong.gov.vn> (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

UBND xã Tuệ Tỉnh thông báo đề các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND Xã;
- Phòng Văn hóa;
- VP HĐND-UBND;
- TT PVHCC; TT Văn hóa TT&TT;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, TT PV HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Tùng

Phụ lục 1

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Thông báo số : /TB-UBND ngày của UBND xã Tuệ Tĩnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (03 TTHC)		
1.	1.014111	Thi tuyển công chức
2.	1.014113	Xét tuyển công chức
3.	1.014116	Thủ tục Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý
II. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ (15 TTHC)		
1.	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
2.	1.012929	Thủ tục thành lập hội
3.	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội
4.	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội
5.	1.012945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội

6.	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể
7.	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện
8.	1.012948	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn
9.	1.013017	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
10.	1.013018	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
11.	1.013019	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ
12.	1.013020	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
13.	1.013021	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
14.	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ.
15.	1.013023	Thủ tục quỹ tự giải thể
III. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (24 TTHC)		
1.	1.012655	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung
2.	1.012660	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam

3.	1.012672	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
4.	1.012661	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
5.	1.012641	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
6.	1.012639	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
7.	1.012637	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
8.	1.012664	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
9.	1.012659	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
10.	1.012658	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
11.	1.012648	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
12.	1.012645	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
13.	1.012657	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam
14.	1.012656	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh
15.	1.012653	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác

16.	1.012607	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh
17.	1.012606	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
18.	1.012605	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
19.	1.012646	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
20.	1.012644	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
21.	1.012632	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
22.	1.012629	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo
23.	1.012628	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
24.	1.012616	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo

IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG (07 TTHC)

1.	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể
2.	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.

3.	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
4.	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
5.	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
6.	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
7.	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
V. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI (02 THỦ TỤC)		
1.	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp
2.	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc
VI. LĨNH VỰC VIỆC LÀM (21 TTHC)		
1.	1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động
2.	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
3.	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
4.	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

5.	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
6.	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
7.	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp
8.	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp
9.	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp
10.	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp
11.	2.000839	Giải quyết hỗ trợ học nghề
12.	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng
13.	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)
14.	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)
15.	2.000148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm
16.	1.014196 TT mới	Thủ tục Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
17.	1.014197 TT mới	Thủ tục Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

18.	1.014198 TT mới	Thủ tục Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
19.	1.014199 TT mới	Thủ tục Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
20.	1.014200 TT mới	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
21.	1.014201 TT mới	Thủ tục Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC (11 TTHC)		
1.	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên
2.	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài
3.	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài
4.	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)
5.	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài
6.	1.013732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài
7.	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
8.	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày

9.	2.002105	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
10.	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)
11.	1.005219	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

IX. LĨNH VỰC AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG (07 TTHC)

1.	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)
2.	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).
3.	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp
4.	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp

5.	2.000134	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
6.	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.
7.	1.013337	Thủ tục hành chính đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hoá được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành

VIII. LĨNH VỰC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC (02 TTHC)

8.	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt
9.	1.013934	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ

X. LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN (03 TTHC)

1.	2.001717	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
2.	1.003999	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh
3.	2.001683	Xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh

B. DANH MỤC THỦ TỤC CẤP XÃ (28 TTHC)

STT	Mã Thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (02 TTHC)		

1.	1.010833	Cấp giấy xác nhận nhân thân của người có công
2.	1.010832	Thăm viếng mộ Liệt sĩ
II. LĨNH VỰC VIỆC LÀM (02 TTHC)		
3.	1.013724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động
4.	1.013725	Vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh
III.LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC (01 TTHC)		
5.	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết
IV.LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ (14 TTHC)		
6.	1.012939	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội
7.	1.012940	Thủ tục thành lập hội
8.	1.012949	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội
9.	1.012941	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội
10.	1.012950	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội

11.	1.012951	Thủ tục hội tự giải thể
12.	1.012952	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn
13.	1.013024	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
14.	1.013025	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ
15.	1.013026	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ
16.	1.013027	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ
17.	1.013028	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
18.	1.013029	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ
19.	1.013030	Thủ tục quỹ tự giải thể

V. LĨNH VỰC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO (09 TTHC)

20.	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
21.	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
22.	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung

23.	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
24.	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)
25.	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)
26.	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã
27.	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã
28.	1.013798	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã